

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2019

V/v: “Tranh chấp thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Anh.

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 499/2018/TLST–HNGĐ ngày 18/10/2018 về việc “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 27, Đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê T – Luật sư, văn phòng luật sư B thuộc đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn K, sinh năm 1972.

Trú tại: Tổ 6, thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N có mặt; luật sư T, ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2018, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy N trình bày:

Năm 2018 bà và ông Nguyễn K ly hôn. Theo Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 198/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Minh K, sinh ngày 09/10/2012 cho đến ngày con chung thành niên. Giao ông Nguyễn K trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phước S, sinh ngày 11/5/2006 cho đến ngày con chung thành niên. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi có quyết định của Tòa án bản thân ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S nhưng ông K chăm sóc, nuôi dưỡng không tốt. Ông K không lo lắng cho cháu ăn học. Việc học của cháu ông không quan tâm, đầu năm học ông chỉ đóng học phí cho cháu S, không đi họp phụ huynh cho cháu, không cho cháu đi học thêm. Cô giáo chủ nhiệm và các thầy cô giáo mà cháu đi học thêm đã gọi điện phản ánh với bà về tình hình học tập của cháu sa sút. Việc ăn uống của cháu ông cũng không quan tâm, chỉ phó mặc cho cô hoặc bà nội của cháu. Cháu S có viết cho bà một lá thư nói là muốn được ở với mẹ nên cháu tự nguyện về ở với bà chứ bà không ép buộc. Trong thời gian ông K nuôi dưỡng cháu S ông không cho cháu S gọi điện thoại hay gặp mẹ. Trước đây ông bà ly hôn do điều kiện kinh tế của bà không ổn định nên mỗi người nuôi một cháu chứ bản thân bà muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Trước đây cô giáo chủ nhiệm phản ánh cháu S rất ít nói và trầm tính, học hành sa sút nhưng nay tình hình học tập của cháu đã khá hơn rất nhiều, cháu cũng vui vẻ, hòa đồng hơn với các bạn. Bên cạnh đó, cháu S cũng có nguyện vọng muốn được ở với bà.

Với những lý do trên, bà yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Bà yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Phước S, sinh ngày 11/5/2006 cho đến ngày con chung thành niên.

Về vấn đề cấp dưỡng: Bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi cháu S theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến làm việc nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 Giấy khai sinh của Nguyễn Phước S (bản sao); 01 Chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thùy N (bản photo – Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính); 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 198/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2018 (bản photo); 01 Bản tự khai của bà Nguyễn Thị Thùy N (bản chính).

Các tài liệu, chứng cứ bị đơn nộp cho Tòa án bao gồm: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được bao gồm: 01 Bản tự khai của Nguyễn Phước S (bản chính); 02 Biên bản xác minh ngày 15/01/2019 (bản chính).

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt bị đơn và đã thông báo kết quả phiên họp cho bị đơn được biết. Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy N đối với ông Nguyễn K về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao bà N được quyền nuôi con chung Nguyễn Phước S, sinh ngày 11/5/2006 cho đến ngày con chung thành niên. Buộc ông Nguyễn K cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy N với bị đơn ông Nguyễn K. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn K đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ 02 không lý do. Việc vắng mặt không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn K.

[2] Về nội dung:

Về yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy N: Bà N cho rằng trong thời gian ông K chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S nhưng ông K chăm sóc, nuôi dưỡng không tốt. Cô giáo chủ nhiệm và các thầy cô giáo mà cháu học thêm gọi điện cho bà phản ánh về tình hình học tập sa sút của cháu S. Bản thân ông K cũng không trực tiếp chăm sóc cháu S mà phó mặc cho cô hoặc bà nội của cháu. Ông K còn ngăn cấm cháu S không cho cháu gọi điện thoại hay gặp mẹ. Bản thân cháu S muốn được ở với mẹ nên cháu tự nguyện về ở với bà chứ bà hoàn toàn không ép buộc cháu S. Từ khi cháu S về ở với bà thì sức khỏe của cháu tốt hơn, có giáo chủ nhiệm có trao đổi về tình hình học tập của cháu đã khá lên rất nhiều.

Ông K dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để làm việc, nhưng ông K không đến Tòa để làm việc nên không có cơ sở để Tòa án xem xét ý kiến của ông K

Qua xác minh tại Trường trung học cơ sở Lê Hồng Phong được biết trong thời gian đầu học sinh S rất ít nói, trầm tính, ít tham gia các sinh hoạt của lớp. Về sau học sinh vui vẻ hơn, hoạt bát hơn, nhiệt tình hơn trong các phong trào của lớp. Thời gian đầu cháu S đi học thì bố là người trực tiếp đưa đón, về sau mẹ là người trực tiếp đưa đón. Đồng thời, mẹ là người trực tiếp liên hệ với giáo viên để trao đổi tình hình học tập của cháu. Mặt khác, cháu S có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy, việc bà N yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng: Bà N yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đồng/tháng. Do ông K vắng mặt tại các buổi làm việc tại tòa án và ông K cũng không cung cấp văn bản thể hiện ý chí của mình về vấn đề cấp dưỡng. Căn cứ vào mức thu nhập thực tế, cũng như nhu cầu chi tiêu tại địa phương. Cần chấp nhận một phần yêu cầu của bà N về việc buộc ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Buộc ông K cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 14/5/2019 cho đến ngày con chung thành niên.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 205, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy N đối với ông Nguyễn K về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao bà Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phước S, sinh ngày 11/5/2006 cho đến ngày con chung thành niên.

2. Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn K phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Phước S 4.000.000 đồng/tháng (bốn triệu đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 14/5/2019 cho đến ngày con chung thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Ông Nguyễn K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thùy N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0006254 ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Ngô Anh Tuấn